

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NÓI 5

Số tín chỉ: 02
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

1. Tên học phần: Nói 5

2. Mã học phần: NNA 048

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành.

- Tự học: 60 giờ.

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Nói 4

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Hoàng Yên	0986596586	yendhsd@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913592866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989670521	Luongnn78@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Nói 5 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Từ vựng: Các từ vựng chỉ mối quan hệ trong gia đình, các đặc điểm tính cách của những người xung quanh, các chủ đề hàng ngày như công việc, sự kiện, mục đích, ước mơ...

- Cấu trúc: Cách dùng câu mệnh lệnh, cách đưa ra yêu cầu, đề nghị, cách đặt câu hỏi trực tiếp, gián tiếp, cách thể hiện sự nuối tiếc, mong chờ...

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói về các chủ đề liên quan đến gia đình, miêu tả tính cách con người, đưa ra vấn đề và giải quyết vấn đề...

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	Trình bày kiến thức về các nội dung sau: - Từ vựng: Các từ vựng chỉ mối quan hệ trong gia đình, các đặc điểm tính cách của những người xung quanh...	3	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	Kỹ năng nghe, nói về các chủ đề liên quan đến gia đình, miêu tả tính cách con người, đưa ra vấn đề và giải quyết vấn đề...	3	[1.2.2.3]
MT3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ đã được giảng viên phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Liệt kê được các từ vựng chỉ mối quan hệ trong gia đình, các đặc điểm tính cách của những người xung quanh, tin tức, sự kiện...	3	[2.1.2]
CDR1.2	Đặt câu và vận dụng từ vựng vào giao tiếp	3	[2.1.2]
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Phát âm đúng các từ vựng chỉ mối quan hệ trong gia đình, các đặc điểm tính cách của những người xung quanh, tin tức, sự kiện...	3	[2.2.6]
CDR2.2	Nghe hiểu các bài thuyết trình, đoạn hội thoại về		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	các chủ đề trong học phần như mối quan hệ trong gia đình, các đặc điểm tính cách của những người xung quanh, tin tức, sự kiện, mục đích, ước mơ...		
CĐR2.3	Nói về các chủ đề trong học phần như mối quan hệ trong gia đình, các đặc điểm tính cách của những người xung quanh, tin tức, sự kiện, mục đích, ước mơ...		
CĐR3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.		
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	4	[2.3.1]
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả nhất.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần									
		CDR1		CDR2			CDR3				
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4	
1	Unit 1: Family	3			3		4	4	4	4	
2	Unit 2: Free time		3	3	3	3	4	4	4	4	
3	Unit 3: Special occasion	3			3	3	4	4	4	4	
4	Unit 4: Home town		3	3	3	3	4	4	4	4	
5	Unit 5: TV and radio	3			3	3	4	4	4	4	
6	Unit 6: Weather			3	3	3	4	4	4	4	
7	Unit 7: Studying	3		3		3	4	4	4	4	
8	Unit 8: Work		3		3		4	4	4	4	
9	Unit 9: Holidays and travel			3	3		4	4	4	4	
10	Unit 10: Health	3			3		4	4	4	4	
11	Unit 11: Important events		3	3	3		4	4	4	4	
12	Unit 12: Possessions			3	3	3	4	4	4	4	

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	Chuẩn đầu ra của học phần			Ghi chú
					CDR 1	CDR 2	CDR 3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm chuyên cần	1 điểm	20%	- Phát vấn - Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá chuyên cần	CDR1.1 CDR1.2	CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3	CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,	Điểm trung bình của các lần đánh giá

2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	- Vấn đáp 15 phút/ 1SV	CĐR1.1 CĐR1.2	CĐR2.1 CĐR 2.2 CĐR 2.3	CĐR3.1 CĐR3.2 CĐR3.3 CĐR3.4
3	Điểm thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	- Vấn đáp 20 phút/ 1SV	CĐR1.1 CĐR1.2	CĐR2.1 CĐR 2.2 CĐR 2.3	CĐR3.1 CĐR3.2 CĐR3.3 CĐR3.4

11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm điểm 4.

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp (10 phút/1 SV).
- Thi kết thúc học phần: Vấn đáp (01 bài thi, thời gian làm bài: 45 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, vở ghi, bút,...

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1]- Karen Kovacs, *Speaking for IELTS*, HarperCollins Publishers.

- Tài liệu tham khảo:

[2] L.G. Alexander (2005), *For and Against: An Oral Practice Book*, Longman Singapore Publishers.

[3] Richards, J.C (1990). *Listen Carefully*. Oxford: Oxford University Press.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
1	<p>Unit 1: Family</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày từ vựng chỉ mối quan hệ trong gia đình. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ chỉ mối quan hệ trong gia đình. - Hội thoại giới thiệu bản thân và người khác trong gia đình. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>Part 1: Language development</p> <p>1. Vocabulary: Family</p> <p>2. Grammar:</p> <p>Pocessive adjectives</p> <p>Part 2: Skill development</p> <p>Part 3: Exam practice</p>	2 (2LT,0TH)	<p>Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, phát vấn.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích bày các cụm từ chỉ mối quan hệ trong gia đình. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nêu vấn đề và trao đổi trước cùng sinh viên. + Chữa bài cho sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu về giới thiệu bản thân và các thành viên trong gia đình. + Trả lời câu hỏi, giải quyết vấn đề. + Hoàn thành và thảo luận nội dung trang 8-13 tài liệu [1]. - Đọc nội dung 1-2 trang 6-8 tài liệu [2]. - Luyện nghe Unit 1 trang 4-5 tài liệu [3]. 	CDR1.1, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
2	<p>Unit 2: Free time</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ/ cụm từ dùng để miêu tả các hoạt động hằng ngày. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ/ cụm từ để miêu tả các hoạt động hằng ngày. - Hội thoại sử dụng các cụm từ miêu tả sở thích, thì hiện tại đơn giản. <p>Nội dung cụ thể:</p>	2 (2LT,0TH)	<p>Thuyết trình, đặt vấn đề, phát vấn, trực quan.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích các từ/ cụm từ dùng để miêu tả các hoạt động hằng ngày. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu các từ/ cụm từ về các hoạt động hằng ngày. 	CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	Part 1: Language development 1. Vocabulary: Free time activities 2. Grammar: Present simple Part 2: Skill development Part 3: Exam practice		+ Hoàn thành và thảo luận bài tập trang 14-19 tài liệu [1]. - Luyện nghe Unit 1 trang 8-9 tài liệu [3].	
3	Unit 3: Special occasions Mục tiêu bài: - Trình bày các từ/ cụm từ chỉ các ngày đặc biệt. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ/ cụm từ chỉ các ngày đặc biệt. - Sử dụng thành thạo cấu trúc và cách sử dụng thì quá khứ đơn giản. Nội dung cụ thể: Part 1: Language development 1. Vocabulary: Special occasions 2. Grammar: Past simple Part 2: Skill development Part 3: Exam practice	2 (2LT,0TH)	Thuyết trình, đặt vấn đề, phát vấn, trực quan, giảng giải nội dung bài học. - Giảng viên: + Phát âm mẫu các từ vựng. + Hướng dẫn sinh viên nghe và nói sử dụng các từ vựng trong bài. - Sinh viên: + Liệt kê các từ/ cụm từ chỉ các ngày đặc biệt. + Hoàn thành và thảo luận trang 15-19 tài liệu [1]. + Luyện nghe Unit 2 trang 11-12 tài liệu [3]	CDR1.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
4	Unit 4: Hometown Mục tiêu bài: - Trình bày các từ và cụm từ về chủ đề thành phố/ đô thị. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ và cụm từ về chủ đề thành phố/ đô thị. - Sử dụng thành thạo cấu trúc câu There is/ There are. Nội dung cụ thể: Part 1: Language development	2 (2LT,0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Trực quan kết hợp với phát vấn. - Giảng viên: + Giải thích cách dùng từ và cấu trúc trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cụ thể cho cá nhân, nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. - Sinh viên:	CDR1.2, CDR2.1, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	1. Vocabulary: Describing cities 2. Grammar: There is/ there are Part 2: Skill development Part 3: Exam practice		+ Tìm hiểu các từ vựng và cấu trúc trong bài. + Hoàn thành và thảo luận trang 28-33 tài liệu [1]. + Trình bày hiểu biết của bản thân về thành phố nơi mình đang sống và học tập. + Đọc nội dung 7-8 trang 18-20 tài liệu [2]. + Luyện nghe Unit 2 trang 16-17 tài liệu [3].	
5	Unit 5: TV and radio Mục tiêu bài: - Trình bày các từ và cụm từ chỉ các kênh truyền hình. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ và cụm từ chỉ các kênh truyền hình. - Thực hiện thuyết minh về 1 chương trình truyền hình mà mình yêu thích. Nội dung cụ thể: Part 1: Language development 1. Vocabulary: TV and radio programmes 2. Grammar: Adverbs of frequency Part 2: Skill development Part 3: Exam practice	2 (2LT,0TH)	Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, giảng giải nội dung bài học. - Giảng viên: + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giải thích cách sử dụng các trạng từ chỉ tần suất. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. - Sinh viên: + Liệt kê các từ vựng miêu tả các chương trình truyền hình. + Hoàn thành và thảo luận nội dung trang 29-33 tài liệu [1]. + Hoàn thành bài số 5 trang 40 tài liệu [2]. - Luyện nghe Unit 3 trang 20-21 tài liệu [3].	CDR1.1, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
6	Unit 6: Weather Mục tiêu bài: - Trình bày về các từ vựng miêu tả thời tiết. - Hiểu và sử dụng thành thạo	2 (2LT,0TH)	Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, giảng giải, chữa bài tập. - Giảng viên: + Giải thích các từ vựng miêu	CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>các từ vựng miêu tả miêu tả thời tiết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách phân biệt Can/ Can't. - Hội thoại về cách hỏi và trả lời về thời tiết. <p>Nội dung cụ thể: Part 1: Language development 1. Vocabulary: Weather 2. Grammar: Can/ Can't Part 2: Skill development Part 3: Exam practice</p>		<p>tả thời tiết.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. <p>- Sinh viên: + Tìm hiểu về các từ vựng miêu tả thời tiết. + Hoàn thành nội dung trang 40-45 tài liệu [1]. + Thực hiện thuyết trình theo nhóm về chủ đề bài học. + Đọc nội dung 11-12 trang 26-28 tài liệu [2]. + Luyện nghe Unit 3 trang 27-28 tài liệu [3].</p>	
7	<p>Unit 7: Studying</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng về chủ đề học tập và mái trường. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ vựng nói học tập và mái trường. - Sử dụng tốt thì hiện tại tiếp diễn. <p>Nội dung cụ thể: Part 1: Language development 1. Vocabulary: Academic subjects 2. Grammar: Present continuous Part 2: Skill development Part 3: Exam practice</p> <p>Mid- term test</p>	4 (2LT,2KT)	<p>Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, phát vấn kết hợp với trực quan giảng giải nội dung bài học.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cấu trúc câu, các từ vựng nói về chủ đề học tập và mái trường. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghiên cứu cấu trúc câu với thì hiện tại tiếp diễn. + Hoàn thành và thảo luận nội dung trang 48-53 tài liệu [1]. 	CDR1.1, CDR2.1, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			<ul style="list-style-type: none"> + Trả lời các câu hỏi của giảng viên dựa vào gợi ý. + Hoàn thành các bài tập unit 6 trang 48 tài liệu [2]. - Luyện nghe Unit 4 trang 35-36 tài liệu [3]. + Thực hiện bốc thăm kiểm tra nói giữa học phần. 	
8	<p>Unit 8: Work</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày từ vựng về chủ đề công việc. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ về chủ đề công việc. - Hội thoại sử dụng các từ về và cấu trúc nói công việc hằng ngày của bản thân và của người khác. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>Part 1: Language development</p> <p>1. Vocabulary: Work and jobs</p> <p>2. Grammar: Have to</p> <p>Part 2: Skill development</p> <p>Part 3: Exam practice</p>	2 (2LT,0TH)	<p>Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải bài học.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích các từ vựng liên quan đến công việc. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập thực hành nói cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu các từ vựng về chủ đề công việc. + Hoàn thành nội dung trang 54-59 trong tài liệu[1]. + Trả lời câu hỏi dựa vào gợi ý của giảng viên. + Thực hành thuyết minh về 1 công việc nào đó. + Luyện nói theo bài tập hỗ trợ unit 6 trang 48 tài liệu [2]. + Luyện nghe Unit 4 trang 40-41 tài liệu [3]. 	CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
9	<p>Unit 9: Holiday and travel</p> <p>Mục tiêu bài:</p>	2 (2LT,0TH)	<p>Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải bài học.</p>	CDR2.1, CDR2.3, CDR3.1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>- Trình bày các từ vựng chỉ việc đi lại và du lịch. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ vựng về chủ đề du lịch. - Thuyết trình về một chuyến đi gần đây của bản thân.</p> <p>Nội dung cụ thể: Part 1: Language development 1.Vocabulary: Holiday and travel 2. Grammar: To be going to Part 2: Skill development Part 3: Exam practice</p>		<p>- Giảng viên: + Giải thích các từ vựng về du lịch/ lễ hành. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập thực hành nói cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên.</p> <p>- Sinh viên: + Tìm hiểu các từ vựng về chủ đề du lịch. + Hoàn thành các bài trang 60-65 trong tài liệu [1]. + Luyện nói theo bài tập hỗ trợ unit 7 trang 56 TL [2]. + Luyện nghe Unit 5 trang 48-49 tài liệu [3].</p>	CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
10	<p>Unit 10: Health Mục tiêu bài: - Trình bày các từ vựng về chủ đề sức khỏe. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ về sức khỏe/ bệnh tật. - Trình bày cách đưa ra lời khuyên khi ai đó có vấn đề về sức khỏe.</p> <p>Nội dung cụ thể: Part 1: Language development 1.Vocabulary: Health activities 2. Grammar: Should/ Shouldn't Part 2: Skill development Part 3: Exam practice</p>	2 (2LT,0TH)	<p>Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ. - Giảng viên: + Giải thích các từ vựng về chủ đề sức khỏe. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập thực hành nói cho cá nhân. + Chữa bài cho sinh viên.</p> <p>- Sinh viên: + Tìm hiểu các từ vựng về chủ đề sức khỏe. + Hoàn thành nội dung trang 68-73 trong tài liệu [1]. + Luyện nói và làm bài tập bổ</p>	CDR1.1, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			trợ unit 8 trang 64 TL [2]. + Luyện nghe Unit 5 trang 53-54 tài liệu [3].	
11	<p>Unit 11: Important events</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ chỉ các sự kiện đặc biệt. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ dùng để miêu tả các sự kiện quan trọng. - Biết cách miêu tả cảm xúc, câu so sánh. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>Part 1: Language development</p> <p>1. Vocabulary: Important events</p> <p>2. Grammar: Giving feeling/ comparing</p> <p>Part 2: Skill development</p> <p>Part 3: Exam practice</p>	2 (2LT,0TH)	<p>Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích các từ vựng chỉ các sự kiện quan trọng. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập thực hành nói cho cá nhân về một sự kiện quan trọng. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu các từ vựng về chủ đề tin tức, sự kiện. + Hoàn thành các bài tập trang 74-79 trong tài liệu [1]. + Luyện nói và làm bài tập bổ trợ unit 9 trang 72 tài liệu [2]. + Luyện nghe Unit 6 trang 58-59 tài liệu [3]. 	CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
12	<p>Unit 11: Important events (Cont.)</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ chỉ các sự kiện đặc biệt. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ dùng để miêu tả các sự kiện quan trọng. - Biết cách miêu tả cảm xúc, câu so sánh. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>Part 1: Language development</p>	2 (2LT,0TH)	<p>Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích các từ vựng chỉ các sự kiện quan trọng. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập thực hành nói cho cá nhân về một sự kiện quan trọng. <p>- Sinh viên:</p>	CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	1. Vocabulary: Important events 2. Grammar: Giving feeling/ comparing Part 2: Skill development Part 3: Exam practice		+ Tìm hiểu các từ vựng về chủ đề tin tức, sự kiện. + Hoàn thành các bài tập trang 74-79 trong tài liệu [1]. + Luyện nói và làm bài tập hỗ trợ unit 9 trang 72 tài liệu [2]. + Luyện nghe Unit 6 trang 58-59 tài liệu [3].	
13	Unit 12: Possessions Mục tiêu bài: - Trình bày các từ vựng và cụm từ biểu đạt sự sở hữu. - Hiểu và sử dụng thành thạo một số cụm từ và cấu trúc trong bài. - Trình bày được đặc điểm 1 loại đồ vật nào đó - Nắm được cấu trúc và cách sử dụng thì hiện tại hoàn thành. Nội dung cụ thể: Part 1: Language development 1. Vocabulary: Possessions and objects 2. Grammar: Describing objects Present Perfect Part 2: Skill development Part 3: Exam practice	2 (2LT,0TH)	Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải nội dung bài học. - Giảng viên: + Giảng giải cách sử dụng các từ vựng và cụm từ biểu đạt sự sở hữu. + Lấy ví dụ giúp sinh viên nắm được từ vựng và lấy được ví dụ minh họa. - Sinh viên: + Tìm hiểu về cách miêu tả 1 đồ dùng quen thuộc. + Hoàn thành nội dung trang 80-85 tài liệu [1]. + Đọc nội dung 22-23 trang 50-52 tài liệu [2]. + Luyện nghe Unit 8 trang 68-69 tài liệu [3].	CDR1.1, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
14	Unit 12: Possessions (Cont.) Mục tiêu bài: - Trình bày các từ vựng và cụm từ biểu đạt sự sở hữu. - Hiểu và sử dụng thành thạo một số cụm từ và cấu trúc	2 (2LT,0TH)	Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải nội dung bài học. - Giảng viên: + Giảng giải cách sử dụng các từ vựng và cụm từ biểu đạt sự sở hữu.	CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>trong bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm 1 loại đồ vật nào đó - Nắm được cấu trúc và cách sử dụng thì hiện tại hoàn thành. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>Part 1: Language development</p> <p>1.Vocabulary: Possessions and objects</p> <p>2. Grammar: Describing objects Present Perfect</p> <p>Part 2: Skill development</p> <p>Part 3: Exam practice</p>		<ul style="list-style-type: none"> + Lấy ví dụ giúp sinh viên nắm được từ vựng và lấy được ví dụ minh họa. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu về cách miêu tả 1 đồ dùng quen thuộc. + Hoàn thành nội dung trang 80-85 tài liệu [1]. + Đọc nội dung 22-23 trang 50-52 tài liệu [2]. + Luyện nghe Unit 8 trang 68-69 tài liệu [3]. 	CDR3.4.

Hải Dương, ngày 09 tháng 08 năm 2022

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Đăng Tiên

TRƯỞNG BỘ MÔN



Trịnh Thị Chuyên